

Thái Nguyên, ngày 1 tháng 12 năm 2015

Số: 173/QĐ - ĐHKTCN

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xét tiến độ học tập học kỳ II năm học 2014 - 2015
các lớp chương trình tiên tiến

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ vào Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 3647/QĐ-BGD&ĐT ngày 10/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên và các trường thành viên;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 515/QĐ-ĐHKTCN ngày 07 tháng 8 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

Căn cứ vào kết luận của Hội đồng xét kết quả học tập nhà trường ngày 11 tháng 11 năm 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Hợp tác đào tạo Quốc tế và Trường phòng CT-HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép 208 sinh viên (*danh sách 1*) hệ chính quy chương trình tiên tiến thuộc diện học bình thường, tiếp tục học tập theo quy định hiện hành.

Điều 2. Cảnh báo học tập học kỳ II năm học 2014 - 2015 đối với 36 sinh viên (*danh sách 2*) do chưa hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Điều 3. Buộc thôi học 9 sinh viên (*danh sách 3*) do tự ý bỏ học từ một học kỳ chính trở lên. Buộc 21 sinh viên (*danh sách 4*) thuộc diện buộc thôi học do bị cảnh báo 03 lần liên tiếp thi TOEFL - ITP vào ngày 14 tháng 12 năm 2015, nếu những sinh viên trên đạt từ 480 điểm trở lên sẽ được xem xét cứu xét. Nếu những sinh viên trên không đạt từ 480 điểm TOEFL - ITP trở lên sẽ bị buộc thôi học.

Điều 4. Khoa Quốc tế chỉ đạo giảng viên chủ nhiệm thông báo kết quả học tập đến từng sinh viên, gia đình sinh viên có tên trong điều 2 để giúp sinh viên có ý thức phấn đấu học tập trong các học kỳ tiếp theo.

Điều 5. Các ông (Bà) Giám đốc Trung tâm Hợp tác Đào tạo Quốc tế, Trường phòng Công tác Học sinh Sinh viên, khoa Quốc tế, giảng viên chủ nhiệm, các đơn vị và cá nhân có liên quan, sinh viên có tên trong điều 1, điều 2 và điều 3 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Lưu VT, HTĐTQT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Trần Xuân Minh

DANH SÁCH 1

SINH VIÊN HỌC ĐÚNG TIẾN ĐỘ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2014 - 2015

(kèm theo quyết định số 177/QĐ - ĐHKTCN, ngày 1 tháng 12 năm 2015)

TT	Mã Số Sinh Viên	Họ	Tên	TBHK	TBTL	TCTL	Ghi chú
Lớp K46AP.M		Số sinh viên: 11					
1	DTK1051010407	Nguyễn Chí	Công	2.75	2.71	150	
2	DTK1051010422	Đông Văn	Định	3.00	2.85	146	
3	DTK1051010760	Nguyễn Tùng	Linh	2.00	2.28	137	
4	DTK1051010770	Nguyễn Đức	Quang	2.75	2.82	146	
5	DTK1051010633	Trần	Trung	2.00	2.77	150	
6	DTK1051010471	Trịnh Đức	Trường	3.25	3.28	150	
7	DTK1051010708	Nguyễn Anh	Tú	2.50	2.21	146	
8	DTK1051010155	Tô Minh	Tuấn	2.75	2.93	150	
9	DTK1051020328	Bùi Quốc	Việt	3.25	2.84	146	
10	DTK1051010479	Lê Đình	Việt	3.25	3.25	150	
11	DTK1051010720	Nguyễn Tuấn	Vũ	3.00	2.66	150	
Lớp K46AP.I		Số sinh viên: 13					
1	DTK1051010002	Nguyễn Việt	An	3.24	2.97	146	
2	DTK1051020166	Trần Thị Quý	Anh	3.93	3.15	146	
3	DTK1051010011	Ngô Minh	Chữ	3.91	3.33	146	
4	DTK1051020605	Ngô Văn	Cường	3.06	2.95	146	
5	DTK1051020342	Ngô Thùy	Dung	3.21	3.08	146	
6	DTK1051020261	Trần Đức	Duy	3.65	2.61	146	
7	DTK1051020438	Hoàng	Hà	1.63	2.01	116	
8	DTK1051020624	Phạm Hồng	Hà	2.68	2.19	123	
9	DTK1051020025	Lương Trung	Hiếu	1.11	2.48	111	
10	DTK1051020639	Đặng Văn	Huyền	4.00	3.48	146	
11	DTK1051020116	Vũ Duy	Khánh	3.43	2.87	146	
12	DTK1051030179	Nguyễn Quang	Minh	3.77	3.02	139	
13	DTK1051030130	Phạm Duy	Tùng	2.94	2.84	143	
Lớp K47AP.M		Số sinh viên: 13					
1	DTK1051010496	Phạm Văn	Dũng	2.50	2.60	119	
2	DTK1151010337	Đông Đức	Dương	3.21	2.84	116	
3	DTK1151060002	Ngô Trung	Đức	1.33	2.44	102	
4	DTK1151010185	Nguyễn Quốc	Huy	2.71	3.04	122	

5	DTK1151010134	Đào Thị Thu	Huyền	3.08	3.32	109	
6	DTK1151010345	Lê Duy	Hưng	3.33	2.97	116	
7	DTK1151010238	Nguyễn Bảo	Khánh	3.10	2.98	122	
8	DTK1151010568	Nguyễn Hoàng	Long	1.78	2.45	93	
9	DTK1151010408	Nguyễn Văn	Minh	2.42	2.56	110	
10	DTK1151010359	Nguyễn Tiến	Phúc	3.33	3.09	114	
11	DTK1151010045	Nguyễn Văn	Thịnh	3.24	2.91	122	
12	CPC105017	Chhin	Tola	2.38	2.51	116	
13	DTK1151010155	Lô Quốc	Tùng	3.52	3.24	125	
Lớp K47AP.I		Số sinh viên: 13					
1	DTK1151030067	Bùi Huy	Bình	3.67	3.61	123	
2	DTK1151020008	Bùi Trung	Doanh	3.23	3.08	120	
3	DTK1151020001	Dư Ngọc	Đăng	2.56	2.64	117	
4	DTK1151020074	Nguyễn Mạnh	Hải	2.96	2.79	117	
5	DTK1151020189	Nguyễn Khắc	Hồng	1.93	2.02	102	
6	DTK1151030288	Thân Thị	Huế	3.56	3.52	123	
7	DTK1151020033	Phan Văn	Mậu	2.70	2.86	107	
8	DTK1151030040	Nguyễn Hữu	Quân	3.19	3.02	123	
9	DTK1151010364	Đào Văn	Thăng	2.41	2.17	98	
10	DTK1151030047	Trương Ngọc	Thắng	2.78	2.71	117	
11	DTK1151020333	Lê Văn	Thọ	2.52	2.39	105	
12	DTK1151030109	Trần Quốc	Toàn	1.93	2.23	107	
13	DTK1051020162	Tổng Văn	Tuyền	2.81	2.46	117	
Lớp K48AP.M		Số sinh viên: 16					
1	K125520103456	Nguyễn Bùi Thế	Bảo	1.97	3.04	45	
2	K125520103321	Đỗ	Bình	2.36	2.14	63	
3	K125520103264	Nguyễn Văn	Đức	2.41	2.57	76	
4	PHI135004	Manalastas William	Erick	2.27	2.70	79	
5	K125520103354	Dương Văn	Hiếu	1.22	1.84	50	
6	K125520216025	Nguyễn Huy	Hoàng	2.97	2.68	77	
7	PHI135001	Bebit Predilla	Jaica	2.17	2.38	74	
8	PHI135005	Manalo Laurel Zyra	Khrystyn	2.77	2.89	79	
9	K125520103144	Lê Tùng	Lâm	2.47	2.52	83	
10	K125520103087	Nguyễn Phú	Lập	2.63	2.33	64	
11	PHI135003	Khayat Romulo	Lorraine	1.90	2.17	75	
12	PHI135006	Juilie Oliveros P.	Maria	2.29	2.63	59	

13	K125520114034	Đào Ngọc	Phi	3.09	2.97	89	
14	PHI135002	Bunganay Ibarrola	Sharlene	1.23	1.99	68	
15	K125520103237	Dương Chí	Thức	2.00	2.43	83	
16	K125510601029	Giáp Văn	Vân	2.66	2.58	73	
Lớp K48AP.I		Số sinh viên: 14					
1	K125520201154	Nguyễn Duy	An	3.50	3.03	73	
2	K125520216217	Phạm Tuấn	Anh	2.62	2.20	71	
3	K125520201171	Dương Minh	Đức	2.55	2.31	64	
4	K125520216016	Nguyễn Trọng	Giáp	3.42	3.49	79	
5	K125520201250	Phùng Thanh	Hải	2.72	2.49	71	
6	K125520201190	Nguyễn Hữu	Huy	2.85	2.47	73	
7	K125510601013	Trần Văn	Huy	3.42	3.25	71	
8	K125520103360	Vũ Ngọc	Khánh	2.58	2.40	55	
9	K125520216034	Đỗ Hữu	Khôi	3.27	3.18	79	
10	K125520201104	Nguyễn Việt	Nam	2.69	2.56	73	
11	K125520216246	Nguyễn Hoàng	Quân	3.57	3.42	76	
12	K125520201116	Lăng Ngọc	Thành	2.73	2.64	73	
13	K125520114059	Nguyễn Văn	Thành	1.62	1.93	72	
14	K125520114102	Hoàng Thanh	Tú	1.95	1.77	47	
Lớp K49AP.M		Số sinh viên: 13					
1	K135520103222	Đồng Tuấn	Anh	1.29	1.62	34	
2	K135520103161	Lê Tùng	Dương	3.12	2.95	43	
3	K135520103237	Nguyễn Văn	Hân	2.63	2.56	41	
4	K135520201284	Ngô Văn	Hoàn	1.32	1.86	22	
5	K135520103179	Bùi Huy	Hoàng	1.95	1.93	28	
6	K135520103477	Phạm Huy	Hoàng	1.41	2.38	21	
7	K135520103473	Phạm Tiến	Hưng	2.24	2.47	30	
8	K135520103260	Hoàng Ngọc	Nam	2.17	2.24	41	
9	K135520114039	Trần Hồng	Phúc	1.30	1.85	27	
10	K135520103143	Dương Thanh	Tuấn	2.43	2.37	30	
11	K135520103141	Nguyễn Công	Tuấn	2.95	2.80	30	
12	K135520103442	Nguyễn Quốc	Tuấn	1.18	1.89	19	
13	K135520114115	Đồng Văn	Tùng	1.76	2.26	27	
Lớp K49AP.I		Số sinh viên: 24					
1	K135520216062	Phan Lê Đức	Anh	1.91	1.80	20	
2	K135520216004	Trần Thanh	Bằng	3.46	3.06	32	

13	K125520114034	Đào Ngọc	Phi	3.09	2.97	89	
14	PHI135002	Bunganay Ibarrola	Sharlene	1.23	1.99	68	
15	K125520103237	Dương Chí	Thức	2.00	2.43	83	
16	K125510601029	Giáp Văn	Vân	2.66	2.58	73	
Lớp K48AP.I		Số sinh viên: 14					
1	K125520201154	Nguyễn Duy	An	3.50	3.03	73	
2	K125520216217	Phạm Tuấn	Anh	2.62	2.20	71	
3	K125520201171	Dương Minh	Đức	2.55	2.31	64	
4	K125520216016	Nguyễn Trọng	Giáp	3.42	3.49	79	
5	K125520201250	Phùng Thanh	Hải	2.72	2.49	71	
6	K125520201190	Nguyễn Hữu	Huy	2.85	2.47	73	
7	K125510601013	Trần Văn	Huy	3.42	3.25	71	
8	K125520103360	Vũ Ngọc	Khánh	2.58	2.40	55	
9	K125520216034	Đỗ Hữu	Khôi	3.27	3.18	79	
10	K125520201104	Nguyễn Viết	Nam	2.69	2.56	73	
11	K125520216246	Nguyễn Hoàng	Quân	3.57	3.42	76	
12	K125520201116	Lăng Ngọc	Thành	2.73	2.64	73	
13	K125520114059	Nguyễn Văn	Thành	1.62	1.93	72	
14	K125520114102	Hoàng Thanh	Tú	1.95	1.77	47	
Lớp K49AP.M		Số sinh viên: 13					
1	K135520103222	Đồng Tuấn	Anh	1.29	1.62	34	
2	K135520103161	Lê Tùng	Dương	3.12	2.95	43	
3	K135520103237	Nguyễn Văn	Hân	2.63	2.56	41	
4	K135520201284	Ngô Văn	Hoàn	1.32	1.86	22	
5	K135520103179	Bùi Huy	Hoàng	1.95	1.93	28	
6	K135520103477	Phạm Huy	Hoàng	1.41	2.38	21	
7	K135520103473	Phạm Tiến	Hưng	2.24	2.47	30	
8	K135520103260	Hoàng Ngọc	Nam	2.17	2.24	41	
9	K135520114039	Trần Hồng	Phúc	1.30	1.85	27	
10	K135520103143	Dương Thanh	Tuấn	2.43	2.37	30	
11	K135520103141	Nguyễn Công	Tuấn	2.95	2.80	30	
12	K135520103442	Nguyễn Quốc	Tuấn	1.18	1.89	19	
13	K135520114115	Đồng Văn	Tùng	1.76	2.26	27	
Lớp K49AP.I		Số sinh viên: 24					
1	K135520216062	Phan Lê Đức	Anh	1.91	1.80	20	
2	K135520216004	Trần Thanh	Bằng	3.46	3.06	32	

3	K135520201132	Trần Thanh	Bình	3.00	2.88	40	
4	K135520201025	Bùi Thị	Hà	3.19	2.95	39	
5	K135140214035	Nguyễn Thu	Hà	2.69	2.83	35	
6	K135520320030	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	3.19	3.13	39	
7	K135140214006	Lưu Thị	Hội	2.86	2.85	39	
8	K135520216228	Nguyễn Quang	Huân	2.29	2.25	24	
9	K135140214096	Nguyễn Viết	Hưng	1.06	1.38	24	
10	K135520216154	Vũ Đức	Lương	2.55	2.15	20	
11	K135140214012	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	2.86	2.85	39	
12	K135520207119	Nguyễn Văn	Phương	2.62	2.72	39	
13	K135140214113	Vương Ngọc	Quang	2.43	2.67	24	
14	K135580201090	Trịnh Đắc	Sĩ	2.35	2.11	36	
15	K135520216046	Bùi Minh	Thành	1.14	1.75	16	
16	K135520207085	Hà Hữu	Thành	3.52	3.62	39	
17	K135520216356	Nguyễn Công	Thọ	1.09	1.53	17	
18	K135520216107	Nguyễn Đức	Thường	2.33	2.38	37	
19	K135520207131	Tạ Quang	Tiến	2.71	2.56	32	
20	K135520216111	Vũ Đức	Tiến	1.83	1.56	27	
21	K135520201237	Dương Văn	Tình	3.17	3.19	36	
22	K135520207135	Nguyễn Thị	Trang	3.17	3.19	42	
23	K135520201188	Hoàng Mạnh	Trung	1.53	1.33	24	
24	K135520201245	Hoàng Thanh	Tùng	2.43	2.28	18	
Lớp K50AP.M		Số sinh viên: 45					
1	K145520103311	Lương Đắc	Bằng	2.33	2.33	6	
2	K145520103312	Nguyễn Văn	Chức	1.33	1.33	6	
3	K145520114011	Lưu Tiến	Dũng	2.00	2.67	6	
4	K145905218006	Đàm Xuân	Duy	2.43	2.78	9	
5	K145905228032	Vũ Hồng	Duy	2.33	2.33	6	
6	K145580201011	Lương Bằng	Giang	3.36	3.46	13	
7	K145520103244	Dương Hoàng	Hà	2.43	2.56	9	
8	K145520103094	Phạm Văn	Hào	1.43	1.78	9	
9	K145905218007	Trần Quang	Hậu	2.00	2.22	9	
10	K145905218021	Phạm Thị Mỹ	Hoa	2.00	2.00	6	
11	K145520103019	Nguyễn Đình	Hùng	3.43	3.56	9	
12	K145520103314	Hoàng Văn	Huỳnh	2.67	2.67	6	
13	K145510202007	Đặng Lê	Hưng	2.27	2.54	13	

14	K145520103313	Trần Tiến	Hùng	2.33	2.33	6	
15	K145520103181	Nguyễn Tuấn	Khanh	1.86	2.33	9	
16	K145905218008	Lê Phước	Khánh	3.00	2.78	9	
17	K145520103105	Nguyễn Duy	Khánh	1.86	2.33	9	
18	K145520103186	Lại Huy	Linh	1.27	2.22	9	
19	K145905228006	Phan Thị Hồng	Mai	3.78	3.87	45	
20	K145510301064	Cù Quốc	Mạnh	2.33	2.33	6	
21	K145905218022	Nguyễn Văn	Minh	1.33	1.33	6	
22	K145520103190	Trần Tuấn	Minh	1.00	1.33	6	
23	K145520103315	Phạm Xuân	Mừng	2.33	2.33	6	
24	K145520103364	Ninh Văn	Nam	1.86	2.11	9	
25	K145520103269	Trần Ngọc	Nam	3.00	2.78	9	
26	K145905218019	Nguyễn Bình	Nguyên	1.00	1.67	6	
27	K145520103316	Phạm Văn	Ninh	1.33	1.33	6	
28	K145520103275	Nguyễn Duy	Quý	1.86	2.11	9	
29	K145520103277	Nguyễn Anh	Sơn	2.43	2.78	9	
30	K145905218012	Trần	Sùng	3.36	3.46	13	
31	K145520103280	Trịnh Ngọc	Tân	3.27	3.08	13	
32	K145520103143	Hoàng Văn	Thắng	2.43	2.78	9	
33	K145520103397	Lê Thành	Trí	2.00	2.00	6	
34	K145140214016	Nguyễn Công	Trình	3.00	3.00	13	
35	K145905218017	Nguyễn Văn	Trọng	3.00	3.15	13	
36	K145905218020	Nguyễn Văn	Trường	2.64	2.54	13	
37	K145520201227	Dương Anh	Tú	1.43	1.78	9	
38	K145905218015	Dương Văn	Tuấn	2.00	2.22	9	
39	K145520201067	Lê Anh	Tuấn	1.27	1.69	13	
40	K145905218014	Phạm Văn	Tuấn	2.00	2.22	9	
41	K145520216119	Hoàng Sơn	Tùng	1.55	2.78	9	
42	K145520103054	Nguyễn Thanh	Tùng	2.43	2.78	9	
43	K145905218013	Triệu Quang	Tùng	2.43	2.56	9	
44	K145520216133	Nguyễn Văn	Việt	2.27	2.54	13	
45	K145520103229	Chu Thế	Vũ	3.27	3.23	13	
Lớp K50AP.I		Số sinh viên: 46					
1	K145520309041	Đỗ Hoàng	Anh	1.33	1.33	6	
2	K145520320005	Lê Mỹ	Anh	1.91	2.23	13	
3	K145520201008	Lê Xuân	Anh	1.57	1.67	9	

4	K145905228027	Nguyễn Hùng	Anh	1.20	1.20	10	
5	K145905208013	Nguyễn Việt	Anh	2.43	2.56	9	
6	K145140214010	Vũ Thị Lan	Anh	2.91	2.92	13	
7	K145905228034	Ngô Thái	Bảo	1.80	1.80	10	
8	K145520216203	Trần Hải	Dương	2.00	2.00	6	
9	K145905228020	Vũ Hoàng	Dương	1.33	1.33	6	
10	K145905228029	Trần Hải	Đăng	2.33	2.33	6	
11	K145520207054	Nguyễn Văn	Đồng	1.00	2.00	6	
12	K145520201005	Phạm Minh	Đức	2.43	2.56	9	
13	K145905228001	Phạm Minh	Đức	1.67	1.67	6	
14	K145520207170	Trần Ngô	Giang	2.33	2.33	6	
15	K145520201020	Phan Thị Thu	Hà	1.86	2.11	9	
16	K145520207008	Vũ Thị	Hằng	2.91	3.08	13	
17	K145580201013	Nguyễn Văn	Hậu	3.36	3.46	13	
18	K145905228002	Dương Văn	Hiệp	2.36	2.46	13	
19	K145520216155	Dương Trung	Hiếu	2.43	2.33	9	
20	K145520201114	Lê Đức	Huy	1.27	2.44	9	
21	K145905228023	Nguyễn Quang	Huy	1.33	1.33	6	
22	K145905228004	Phạm Thị Thanh	Huyền	2.86	3.11	9	
23	K145520201192	Nguyễn Việt	Hung	2.86	2.67	9	
24	K145520201202	Trương Hoàng	Linh	1.55	1.77	13	
25	K145520216204	Nguyễn Thị Khánh	Ly	2.33	2.33	6	
26	K145905228026	Nông Duy	Mạnh	1.60	1.60	10	
27	K145905228021	Nông Kim	Ngân	2.80	2.80	10	
28	K145520201128	Nguyễn Đại	Ngọc	1.86	1.89	9	
29	K145520201051	Trần Văn	Phú	2.64	2.69	13	
30	K145520201054	Phạm Minh	Quang	2.67	2.67	6	
31	K145520216180	Nguyễn Trọng	Quý	2.00	2.22	9	
32	K145520216046	Nguyễn Hương	Quỳnh	2.43	2.56	9	
33	K145520216181	Đoàn Hồng	Sơn	2.00	2.33	6	
34	K145905228030	Nguyễn Đức	Thái	1.67	1.67	6	
35	K145905228015	Nguyễn Tài	Thanh	2.33	2.33	6	
36	K145905228010	Nguyễn Văn	Thành	2.43	2.56	9	
37	K145905228011	Đồng Thị	Thảo	3.00	3.00	9	
38	K145905228028	Hoàng Văn	Thịnh	1.60	1.60	10	
39	K145520201156	Phạm Văn	Thủy	2.43	2.56	9	

40	K145520201228	Quyền Văn	Toán	2.43	2.56	9	
41	K145510604049	Nguyễn Thị Kiều	Trang	2.55	2.62	13	
42	K145520201241	Giáp Duy	Trung	1.86	2.11	9	
43	K145520201078	Nguyễn Thành	Trung	2.00	2.22	9	
44	K145520114113	Hoàng Tiến	Tuấn	2.33	2.33	6	
45	K145520201062	Nguyễn Mạnh	Tùng	2.43	2.78	9	
46	K145510301063	Trương Đức	Tùng	2.64	2.69	13	

Ghi chú:

- TBHK: điểm trung bình chung học kỳ; TBTL: điểm trung bình chung tích lũy; TCTL: Số tín chỉ tích lũy.
- TC1: Vi phạm điều 16.1.a số 515/QĐ-ĐHKTCN (điều kiện học kỳ); TC2: Vi phạm điều 16.1.b số 515/QĐ-ĐHKTCN (điều kiện tích lũy); TC5: Vi phạm điều 16.3.a số 515/QĐ-ĐHKTCN (tự ý bỏ học); TC6: Vi phạm điều 16.3.c số 515/QĐ-ĐHKTCN (quá thời gian học);
- CB: cảnh báo học tập; 3CBLT: ba lần cảnh báo liên tiếp; BTH: buộc thôi học; CX: cứu xét.
- Sinh viên bị cảnh báo học tập nếu: vi phạm TC1 hoặc TC2.
- Sinh viên bị buộc thôi học nếu: bị cảnh báo quá 2 lần liên tiếp hoặc vi phạm TC5 hoặc vi phạm TC6.

NGƯỜI LẬP



Đinh Hồng Phụng

DANH SÁCH 2

SINH VIÊN BỊ CẢNH BÁO HỌC TẬP HỌC KỲ II NĂM HỌC 2014 - 2015

(kèm theo quyết định số 171/QĐ - ĐHKTCN, ngày 1 tháng 12 năm 2015)

TT	Mã Số Sinh Viên	Họ	Tên	TBHK	TBTL	TCTL	Vi phạm
Lớp K46AP.M		Số sinh viên: 01					
1	DTK1051010569	Đoàn Vĩnh	Cường	0.00	2.15	74	TC1
Lớp K49AP.M		Số SV: 06					
1	K135520103169	Bùi Bảo	Định	0.53	1.79	14	TC1
2	K135520103256	Đặng Duy	Linh	0.83	1.73	26	TC1
3	K135520103259	Nguyễn Đức	Mạnh	0.00	2.00	4	TC1
4	K135520103042	Nguyễn Thế	Phong	0.00	3.00	2	TC1
5	K135520114117	Phạm Ngọc	Tùng	0.00	1.00	4	TC1,TC2
6	K135520103071	Phan Lâm	Vinh	0.59	1.39	18	TC1
Lớp K49AP.I		Số sinh viên: 03					
1	K135520207098	Vương Quảng	Đông	0.36	1.00	9	TC1,TC2
2	K135520216076	Nguyễn Minh	Hiếu	0.00	0.00	0	TC1,TC2
3	K135520207137	Trịnh Quốc	Tuấn	0.00	1.67	6	TC1
Lớp K50AP.M		Số SV: 09					
1	K145520103238	Trần Chuẩn	Chiêu	0.57	2.00	6	TC1
2	K145905218005	Nguyễn Văn	Chung	0.00	1.00	2	TC1,TC2
3	K145520103334	Nguyễn Văn	Cường	0.43	1.00	3	TC1,TC2
4	K145520103242	Phạm Trần Anh	Dũng	0.43	1.80	5	TC1
5	K145520114071	Nguyễn Chiến	Hạm	0.00	0.00	0	TC1,TC2
6	K145510202011	Nguyễn Thế	Linh	0.86	2.40	5	TC1
7	K145905218011	Trần Minh	Quang	0.64	1.44	9	TC1
8	K145520103317	Lương Bảo	Thanh	0.00	0.00	0	TC1,TC2
9	K145520103139	Nguyễn Đình	Tuấn	0.00	4.00	2	TC1
Lớp K50AP.I		Số sinh viên: 17					
1	K145520216202	Văn Duy	Cương	1.00	1.00	6	TC2
2	K145520114070	Đặng Quốc	Cường	1.00	1.00	6	TC2
3	K145510301124	Phạm Tuấn	Điệp	1.00	1.00	6	TC2
4	K145905228017	Dương Công	Hiệp	0.00	0.00	0	TC1,TC2
5	K145520103021	Lưu Trung	Hiếu	0.64	1.44	9	TC1
6	K145905228033	Nguyễn Duyên Tuấn	Hùng	0.33	1.00	2	TC1,TC2
7	K145520216083	Lê Thị Thu	Hương	0.00	1.00	2	TC1,TC2

8	K145905228019	Nguyễn Hoàng	Lương	0.67	2.00	2	TC1
9	K145905228016	Nguyễn Tuấn	Minh	0.00	0.00	0	TC1,TC2
10	K145520201127	Vũ Đình	Ngát	0.57	1.33	6	TC1
11	K145520103197	Lưu Thành	Phương	0.43	2.20	5	TC1
12	K145905228018	Lâm Văn	Quyền	0.80	1.33	6	TC1
13	K145905228008	Ngô Xuân	Quyển	0.00	3.00	2	TC1
14	K145905228024	Ngô Minh	Thành	0.67	2.00	2	TC1
15	K145520114063	Đình Tuấn	Trung	0.00	3.00	2	TC1
16	K145520103059	Lê Anh	Tuấn	0.00	3.00	2	TC1
17	K145520201149	Nguyễn Anh	Tuấn	0.00	3.00	2	TC1

Ghi chú:

- TBHK: điểm trung bình chung học kỳ; TBTL: điểm trung bình chung tích lũy; TCTL: Số tín chỉ tích lũy.

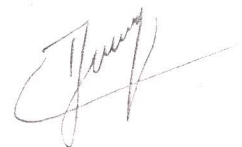
- TC1: Vi phạm điều 16.1.a số 515/QĐ-ĐHKTCN (điều kiện học kỳ); TC2: Vi phạm điều 16.1.b số 515/QĐ-ĐHKTCN (điều kiện tích lũy); TC5: Vi phạm điều 16.3.a số 515/QĐ-ĐHKTCN (tự ý bỏ học); TC6: Vi phạm điều 16.3.c số 515/QĐ-ĐHKTCN (quá thời gian học);

- CB: cảnh báo học tập; 3CBLT: ba lần cảnh báo liên tiếp; BTH: buộc thôi học; CX: cứu xét.

- Sinh viên bị cảnh báo học tập nếu: vi phạm TC1 hoặc TC2.

- Sinh viên bị buộc thôi học nếu: bị cảnh báo quá 2 lần liên tiếp hoặc vi phạm TC5 hoặc vi phạm TC6.

NGƯỜI LẬP



Đinh Hồng Phụng

DANH SÁCH 3

SINH VIÊN BỊ BUỘC THÔI HỌC HỌC KỲ II NĂM HỌC 2014 - 2015

(kèm theo quyết định số ~~177~~/QĐ - ĐHKTCN, ngày 1 tháng 12 năm 2015)

TT	Mã Số Sinh Viên	Họ	Tên	TBHK	TBTL	TCTL	Ghi chú
Lớp K50AP.M		Số sinh viên: 02					
1	K145520103096	Nguyễn Văn	Hùng	0.00	1.00	2	TC5
2	K145520216273	Nguyễn Văn	San	0.00	0.00	0	TC5
Lớp K50AP.I		Số sinh viên: 07					
1	K145520201085	Nguyễn Quang	Đạt	0.00	0.00	0	TC5
2	K145905228014	Đồng Mạnh	Hoàng	0.00	3.00	2	TC5
3	K145905228031	Nguyễn Đăng	Huy	0.00	0.00	0	TC5
4	K145905228005	Ngô Văn	Luân	0.00	0.00	0	TC5
5	K145520103264	Trương Văn	Luyện	0.00	1.00	2	TC5
6	K145905228025	Chu Xuân	Thắng	0.00	0.00	0	TC5
7	K145905228022	Hoàng Anh	Tuân	0.00	0.00	0	TC5

Ghi chú:

- TBHK: điểm trung bình chung học kỳ; TBTL: điểm trung bình chung tích lũy; TCTL: Số tín chỉ tích lũy.

- TC1: Vi phạm điều 16.1.a số 515/QĐ-ĐHKTCN (điều kiện học kỳ); TC2: Vi phạm điều 16.1.b số 515/QĐ-ĐHKTCN (điều kiện tích lũy); TC5: Vi phạm điều 16.3.a số 515/QĐ-ĐHKTCN (tự ý bỏ học); TC6: Vi phạm điều 16.3.c số 515/QĐ-ĐHKTCN (quá thời gian học);

- CB: cảnh báo học tập; 3CBLT: ba lần cảnh báo liên tiếp; BTH: buộc thôi học; CX: cứu xét.

- Sinh viên bị cảnh báo học tập nếu: vi phạm TC1 hoặc TC2.

- Sinh viên bị buộc thôi học nếu: bị cảnh báo quá 2 lần liên tiếp hoặc vi phạm TC5 hoặc vi phạm TC6.

NGƯỜI LẬP



Đinh Hồng Phượng

DANH SÁCH 4

**SINH VIÊN THUỘC DIỆN BUỘC THỜI HỌC THAM GIA THI TOEFL - ITP NGÀY
14 THÁNG 12 NĂM 2015 ĐỂ CỬU XÉT**

(kèm theo quyết định số ~~177~~/QĐ - ĐHKTCN, ngày ~~1~~ tháng ~~12~~ năm 2015)

TT	Mã Số Sinh Viên	Họ	Tên	TBHK	TBTL	TCTL	Ghi chú
Lớp K46AP.M		Số sinh viên: 03					
1	DTK1051010891	Nguyễn Tiến	Hào	0.00	2.02	97	
2	DTK1051010609	Đoàn Tiên	Phong	0.00	1.81	74	
3	DTK1051010795	Lê Anh	Tuấn	0.00	1.67	93	
Lớp K46AP.I		Số sinh viên: 01					
1	DTK1051030311	Bùi Khắc	Hoàng	0.00	2.56	104	
Lớp K47AP.M		Số SV: 05					
1	DTK1151010167	Hoàng Vũ	Anh	0.60	1.88	48	
2	DTK1151010391	Phạm Long	Hải	0.00	2.30	61	
3	DTK1151010354	Bùi Thế	Luân	0.75	1.96	80	
4	DTK1151020217	Phạm Minh	Tiến	0.00	2.40	62	
5	DTK1151010051	Nguyễn Anh	Tuấn	0.00	2.19	59	
Lớp K47AP.I		Số sinh viên: 09					
1	DTK1151020070	Nguyễn Bình	Dương	0.00	2.36	55	
2	DTK1151010087	Trần Tuấn	Nghĩa	0.00	2.19	57	
3	CPC105011	Chan	Savon	0.13	2.28	65	
4	CPC105016	Haythy	Sopheha	0.00	1.82	62	
5	DTK1151020043	Hoàng Văn	Thịnh	0.00	1.98	48	
6	DTK1151020055	Nguyễn Mạnh	Tuấn	0.00	2.30	53	
7	DTK1151030114	Phạm Đình	Văn	0.00	2.24	50	
8	DTK1151020057	Vũ Quang	Vinh	0.00	2.02	58	
9	DTK1151010542	Nguyễn Tiến	Vũ	0.00	1.84	55	

Lớp K48AP.I		Số sinh viên: 03					
1	K125520216095	Vũ Minh	Hoàng	0.23	1.90	31	
2	CPC115007	Ket	Norin	0.00	1.35	23	
3	K125580201041	Nguyễn Hoàng	Phương	0.36	2.28	32	

Ghi chú:

- TBHK: điểm trung bình chung học kỳ; TBTL: điểm trung bình chung tích lũy; TCTL: Số tín chỉ tích lũy.

- TC1: Vi phạm điều 16.1.a số 515/QĐ-ĐHKTCN (điều kiện học kỳ); TC2: Vi phạm điều 16.1.b số 515/QĐ-ĐHKTCN (điều kiện tích lũy); TC5: Vi phạm điều 16.3.a số 515/QĐ-ĐHKTCN (tự ý bỏ học); TC6: Vi phạm điều 16.3.c số 515/QĐ-ĐHKTCN (quá thời gian học);

- CB: cảnh báo học tập; 3CBLT: ba lần cảnh báo liên tiếp; BTH: buộc thôi học; CX: cứu xét.

- Sinh viên bị cảnh báo học tập nếu: vi phạm TC1 hoặc TC2.

- Sinh viên bị buộc thôi học nếu: bị cảnh báo quá 2 lần liên tiếp hoặc vi phạm TC5 hoặc vi phạm TC6.

NGƯỜI LẬP



Đinh Hồng Phương